

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học
và phát triển công nghệ cấp thành phố:
“**Đánh giá thực trạng tật khúc xạ và đề xuất các giải pháp can thiệp
ở học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hải Phòng**”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 2848/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 của Ủy ban
nhân dân thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học
và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng;*

*Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 90/TTr-
SKHCN ngày 29/11/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố với những nội dung sau:

1. Tên Đề tài: Đánh giá thực trạng tật khúc xạ và đề xuất các giải pháp can thiệp ở học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hải Phòng.

2. Mã số: ĐT.YD.2021.882.

3. Cơ quan chủ trì: Bệnh viện Mắt Hải Phòng.

4. Chủ nhiệm Đề tài: Tiến sĩ Phan Huy Thục, Phó Giám đốc Sở Y tế.

5. Mục tiêu khoa học:

Đánh giá thực trạng tật khúc xạ và đề xuất các giải pháp can thiệp ở học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hải Phòng.

6. Nội dung và quy mô nghiên cứu:

a) Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về vấn đề có liên quan.

b) Đánh giá thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở tại Hải Phòng.

c) Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ đến tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở.

d) Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở.

(Nội dung và quy mô nghiên cứu cụ thể theo Thuyết minh được duyệt)

7. Sản phẩm khoa học:

a) Bộ số liệu về thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở tại Hải Phòng.

b) Một số yếu tố nguy cơ tác động đến thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở và sự gia tăng của các loại tật khúc xạ học đường tại Hải Phòng.

c) Một số giải pháp dự phòng nhằm hạn chế sự tác động của các yếu tố nguy cơ lên thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở.

d) Báo cáo kết quả thực hiện Đề tài.

8. Thời gian thực hiện: từ tháng 12/2022 đến tháng 3/2024.

9. Kinh phí thực hiện:

- Tổng kinh phí thực hiện: 1.083.147.000 đồng *(Một tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)*.

Nguồn vốn:

+ Ngân sách khoa học - công nghệ thành phố cấp: 1.083.147.000 đồng *(Một tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)*.

+ Tự có, khác: 0 đồng.

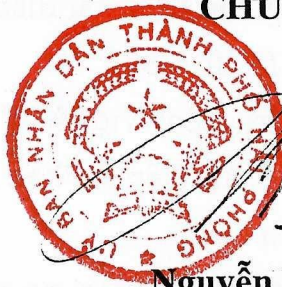
(Có dự toán chi tiết kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Y tế; Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm Đề tài và các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, PCT Hoàng Minh Cường;
- CVP, PCVP Trần Huy Kiên;
- Phòng: VX;
- CV: KHCN;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Kèm theo Quyết định số 4120/QĐ- UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Tên Đề tài: Đánh giá thực trạng tật khúc xạ và đề xuất các giải pháp can thiệp ở học sinh trung học cơ sở tại thành phố Hải Phòng.

Mã số: ĐT.YD.2022.896.

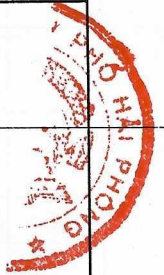
Cơ quan chủ trì: Bệnh viện Mắt Hải Phòng.

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện	Kinh phí tự có và nguồn khác	Ngân sách sự nghiệp khoa học thành phố	Chia ra	
					Khoán chi	Không khoán chi
I	Công lao động trực tiếp	323.000	0	323.000	323.000	0
1	Nghiên cứu tổng quan:					
	Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về vấn đề có liên quan.	8.000	0	8.000	8.000	0
2	Thu thập thông tin tài liệu:	0	0	0	0	0
3	Đánh giá thực trạng tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở tại Hải Phòng:					
3.1	Đánh giá thực trạng cận thị.	20.000	0	20.000	20.000	0
3.2	Đánh giá thực trạng loạn thị.	10.000	0	10.000	10.000	0
3.3	Đánh giá thực trạng các tật khúc xạ khác.	10.000	0	10.000	10.000	0
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ đến tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở:					
4.1	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố nguy cơ từ gia đình đến tật khúc xạ.	30.000	0	30.000	30.000	0
4.2	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố nguy cơ từ nhà trường đến tật khúc xạ.	30.000	0	30.000	30.000	0

4.3	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố nguy cơ từ xã hội đến tật khúc xạ.	30.000	0	30.000	30.000	0
5	Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc tật khúc xạ ở học sinh trung học cơ sở:					
5.1	<i>Giải pháp giảm thiểu từ yếu tố gia đình:</i>					
5.1.1	Giải pháp về dinh dưỡng.	15.000	0	15.000	15.000	0
5.1.2	Giải pháp về điều kiện học tập, chế độ nghỉ ngơi.	20.000	0	20.000	20.000	0
5.2	<i>Giải pháp giảm thiểu từ yếu tố nhà trường:</i>					
5.2.1	Giải pháp về hệ thống cơ sở vật chất phòng học.	15.000	0	15.000	15.000	0
5.2.2	Giải pháp về xây dựng chương trình học tập gắn với nghỉ ngơi, điều chỉnh thị lực mắt.	30.000	0	30.000	30.000	0
5.3	<i>Giải pháp giảm thiểu từ xã hội:</i>					
5.3.1	Giải pháp về truyền thông, tuyên truyền.	15.000	0	15.000	15.000	0
5.3.2	Giải pháp về chăm sóc y tế cộng đồng đối với các tật khúc xạ.	25.000	0	25.000	25.000	0
5.4	<i>Giải pháp can thiệp hiệu quả:</i>					
5.4.1	Giải pháp can thiệp không xâm lấn.	15.000	0	15.000	15.000	0
5.4.2	Giải pháp can thiệp có xâm lấn.	15.000	0	15.000	15.000	0
5.4.3	Kết hợp giải pháp can thiệp có xâm lấn và không xâm lấn.	20.000	0	20.000	20.000	0
6	Tổng kết, đánh giá.	15.000	0	15.000	15.000	0
	<i>Trong đó, cụ thể dự kiến cho các chức danh như sau:</i>	HSKH	LCS	323.000	323.000	0
	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,55	1.490	20.488	20.488	0

	Thành viên chính, thư ký khoa học	0,35	1.490	224.245	224.245	0
	Thành viên	0,2	1.490	65.560	65.560	0
	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,13	1.490	12.707	12.707	0
II	Thuê chuyên gia	20.000	0	20.000	20.000	0
	Thuê chuyên gia tư vấn: 20 ngày x 1.000.000đ	20.000	0	20.000	20.000	0
III	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên liệu, bí quyết công nghệ	0	0	0	0	0
IV	Chi thuê, mua sắm tài sản cố định, công cụ dụng cụ	54.370	0	54.370	0	54.370
1	Thuê máy đo khúc xạ cầm tay	21.120	0	21.120	0	21.120
2	Thuê máy sinh hiển vi khám mắt	28.000	0	28.000	0	28.000
3	Thuê máy in mã vạch	3.000	0	3.000	0	3.000
4	Mua máy quét mã vạch và máy đo cường độ ánh sáng	2.250	0	2.250	0	2.250
V	Chi hội thảo, tập huấn	55.000	0	55.000	55.000	0
	10 cuộc x 5.500.000đ	55.000	0	55.000	55.000	0
	Tính cho một cuộc: Chủ trì 1x 1.000.000đ+ Thư ký 1x 300.000đ+ Đại biểu 20 x 100.000đ+ Tham luận: 2x 1.000.000đ+ Nước uống, tài liệu: 200.000đ					
VI	Chi điều tra, khảo sát	57.950	0	57.950	28.950	29.000
1	Mẫu phiếu điều tra: 01 phiếu x 700.000đ	700	0	700	700	0
2	Hội thảo phiếu điều tra: Chủ trì 200.000đ, thư ký 100.000đ, đại biểu 10 x 70.000đ, tham luận 2x 300.000đ, tài liệu nước uống 100.000đ	1.400	0	1.400	1.400	0
3	Thuê xe ô tô phục vụ điều tra khảo sát: dự kiến 21 ngày x 1000.000đ	21.000	0	21.000	0	21.000



4	Chi hỗ trợ công các thầy, cô giáo trong điều tra: 21 ngày x 5 người x 170.000đ	17.850	0	17.850	17.850	0
5	Báo cáo điều tra khảo sát	9.000	0	9.000	9.000	0
6	Văn phòng phẩm, phô tô phục vụ điều tra	8.000	0	8.000	0	8.000
VII	Chi công tác phí tại các địa điểm triển khai	0	0	0	0	0
VIII	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả	13.400	0	13.400	13.400	0
	2 cuộc (giữa kỳ và cuối kỳ) x 6.700.000đ					
	<i>Tính cho 1 cuộc: Chủ tịch HĐ 1ng x 500.000đ+ Phó Chủ tịch, Ủy viên HĐ 8ng x 400.000đ+ Thư ký 01ng x 150.000đ+ Đại biểu 8ng x 50.000đ+ Bài nhận xét Chủ tịch HĐ, Ủy viên HĐ 7 bài x 250.000đ+ Bài nhận xét ủy viên PB 2 bài x 350.000đ</i>	13.400	0	13.400	13.400	0
IX	Chi quản lý chung nhiệm vụ	40.000	0	40.000	40.000	0
	Chi hoạt động quản lý chung phục vụ nhiệm vụ	40.000	0	40.000	40.000	0
X	Chi khác	519.427	0	519.427	0	519.427
1	Khám mắt thường quy	310.094	0	310.094	0	310.094
2	Soi bóng đồng tử khách quan	204.333	0	204.333	0	204.333
3	Phô tô tài liệu, Văn phòng phẩm.....	5.000	0	5.000	0	5.000
	Tổng cộng	1.083.147	0	1.083.147	480.350	602.797